TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2019/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 20 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 09/2019/TLST-HNGĐ ngày 29/7/2019, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Trịnh Văn Q, sinh năm 1972 và chị Y P, sinh năm: 1981

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trịnh Văn Q và chị Y P tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum vào ngày 14/8/2017. Quá trình chung sống xuyên xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên anh Trịnh Văn Q và chị Y P yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn; Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 12/8/2019 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2] *Về con chung:* Không có con chung nên không xem xét giải quyết.

[3] *Về tài sản, nợ chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] *Về lệ phí Tòa án:* Anh Trịnh Văn Q tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Văn Q và chị Y P thuận tình ly hôn;
- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Áp dụng khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Anh Trịnh Văn Q chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền lệ phí, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kon Tum theo biên lai thu tạm ứng số: AA/2010/0004300 ngày 29/7/2019 *(Anh Trịnh Văn Q đã nộp đủ)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trịnh Thị Bình Thanh